

Số: /ĐHQGHN-KHCN  
V/v thông báo danh mục đề tài  
KH&CN cấp ĐHQGHN  
năm 2024 – đợt 1

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị đào tạo, nghiên cứu thành viên và trực thuộc

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo danh mục đề tài khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp ĐHQGHN năm 2024 – đợt 1.

Căn cứ vào danh mục đề tài tại phụ lục đính kèm, đơn vị tổ chức xây dựng thuyết minh theo quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 3149/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/9/2022 của Giám đốc ĐHQGHN.

Thuyết minh nộp trên hệ thống phần mềm <http://hrm.vnu.edu.vn> và 01 bản cứng gửi ĐHQGHN qua Ban Khoa học – Công nghệ trước ngày 12/01/2024 để tổ chức thẩm định.

ĐHQGHN trân trọng thông báo./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN, P25.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Bảo Sơn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐHQGHN NĂM 2024 – ĐỢT 1**

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
<b>I. Hội đồng Khoa học Nhân văn và Nghệ thuật</b>			
1.	Bình đẳng giới trong phát triển xã hội bền vững ở trung du, miền núi phía Bắc hiện nay và một số tư vấn chính sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận giải một số vấn đề lý luận về bình đẳng giới trong phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam: Quan niệm về bình đẳng giới và phát triển xã hội bền vững, nội dung và những yếu tố tác động đến việc thực hiện bình đẳng giới trong phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam.</li> <li>- Phân tích thực trạng bình đẳng giới trong phát triển xã hội bền vững ở trung du, miền núi phía Bắc hiện nay qua khảo sát tại 3 tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ và Lai Châu.</li> <li>- Làm rõ những vấn đề đặt ra và đề xuất hệ thống giải pháp để điều chỉnh, bổ sung chính sách đối với việc thực hiện bình đẳng giới và những kiến nghị chủ yếu cho việc quản lý, thực thi luật pháp có liên quan đến bình đẳng giới ở trung du, miền núi phía Bắc</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khoa học một số vấn đề lý luận về bình đẳng giới trong phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo khoa học thực trạng bình đẳng giới trong phát triển xã hội bền vững trên một số lĩnh vực kinh tế cụ thể qua khảo sát tại 3 tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ và Lai Châu.</li> <li>- Báo cáo khoa học những vấn đề đặt ra và những kiến nghị giải pháp trong việc điều chỉnh, bổ sung chính sách và quản lý, thực thi pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới trong phát triển bền vững ở vùng trung du, miền núi phía Bắc hiện nay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm chuyên giao:</b></p> <p>01 báo cáo tư vấn chính sách</p> <p><b>4. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		hiện nay (là một phần của tư vấn chính sách về bình đẳng giới).	
2.	Xây dựng hệ sinh thái sở hữu trí tuệ để phát triển các ngành công nghiệp văn hoá tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận giải được khung lý thuyết về hệ sinh thái sở hữu trí tuệ và vai trò của hệ sinh thái sở hữu trí tuệ đối với việc phát triển các ngành công nghiệp văn hoá;</li> <li>- Phân tích, nhận diện được các yếu tố và các điều kiện cần và đủ để hình thành được hệ sinh thái sở hữu trí tuệ nhằm phát triển các ngành công nghiệp văn hoá tại Việt Nam;</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp để xây dựng được một hệ sinh thái sở hữu trí tuệ bền vững nhằm phát triển các ngành công nghiệp văn hoá tại Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài sẽ góp phần đóng góp vào việc nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ về một khái niệm mới ở Việt Nam về “hệ sinh thái sở hữu trí tuệ” và các yếu tố hình thành và mối liên hệ giữa các yếu tố của hệ sinh thái sở hữu trí tuệ trong việc phát triển các ngành công nghiệp văn hoá.</li> <li>- Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần xây dựng một mô hình hệ sinh thái sở hữu trí tuệ bền vững để phát triển các ngành công nghiệp văn hoá và từ đó phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế SCOPUS : 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) : 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng) : 01</p>
3.	Chiến lược phát triển kinh tế báo chí truyền thông Việt Nam	- Hệ thống hóa các vấn đề cơ sở lý luận về chiến lược phát triển kinh tế báo chí truyền thông; Những quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam về quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp và về kinh tế báo chí Việt Nam.	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khoa học kết quả khảo sát chiến lược phát triển kinh tế báo chí truyền thông ở một số tập đoàn báo chí hàng đầu của Áo, châu Âu, Mỹ, Trung Quốc : thực trạng, ưu điểm, hạn chế.</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, khảo sát chiến lược và mô hình phát triển kinh tế báo chí truyền thông ở một số tập đoàn báo chí truyền thông hàng đầu tại Áo, châu Âu, Mỹ Trung Quốc; chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt giữa chiến lược phát triển kinh tế báo chí của châu Âu và Việt Nam.</li> <li>- Nghiên cứu tình hình phát triển kinh tế báo chí Việt Nam và những vấn đề của phát triển kinh tế báo chí ở Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế báo chí truyền thông Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng quan về những quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam về quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp và về kinh tế báo chí Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo về tình hình phát triển kinh tế báo chí Việt nam hiện nay, những đặc thù riêng của báo chí Việt Nam và những vấn đề của kinh tế báo chí Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Báo cáo đề xuất chiến lược và mô hình phát triển kinh tế báo chí truyền thông cho Việt Nam</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế SCOPUS : 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) : 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm chuyển giao :</b></p> <p>01 báo cáo tư vấn chính sách</p> <p><b>4. Sản phẩm đào tạo :</b></p> <p>Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh : 01</p>
4.	Vai trò của đạo đức trong việc ngăn chặn sự tha hóa của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội;</li> <li>- Khảo sát và phân tích thực trạng về sự suy thoái của cán bộ chủ chốt cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay;</li> <li>- Đề xuất các phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy sử dụng</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo những vấn đề lý luận chung về vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội; đặc điểm của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay;</li> <li>- Báo cáo thực trạng sự suy thoái của cán bộ chủ chốt cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay;</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		đạo đức trong việc ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay;	<p>- Báo cáo đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy việc sử dụng đạo đức trong việc ngăn chặn sự suy thoái của cán bộ chủ chốt cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố :</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế SCOPUS : 01</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) : 0</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng) : 01</p>
5.	Nghiên cứu việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở một số trường đại học (ĐH) tại các tỉnh ven biển miền Trung (Vinh, Hà Tĩnh, Huế, Đà Nẵng).	<p>- Tìm hiểu thực trạng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại các trường ĐH ở các tỉnh ven biển miền Trung, (ĐH Vinh, ĐH Hà Tĩnh, ĐH Huế, ĐH Đà Nẵng).</p> <p>- Đánh giá công tác tổ chức, quản lý đào tạo, chương trình, học liệu và hiệu quả giảng dạy đối với người học và người dạy tại các trường đại học trên.</p> <p>- Tìm ra các điểm thuận lợi và khó khăn trong việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại các tỉnh ven biển miền Trung, từ đó đề xuất giải pháp mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Việt cho người</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học :</b></p> <p>- Báo cáo tổng quan nghiên cứu thực trạng giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.</p> <p>- Báo cáo thực trạng giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại các Đại học ở các tỉnh ven biển miền Trung.</p> <p>- Báo cáo giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại các trường Đại học ở các tỉnh ven biển miền Trung.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố :</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống SCOPUS : 01</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) : 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b></p> <p>Thạc sĩ cấp bằng : 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		nước ngoài tại các trường đại học ở các tỉnh ven biển miền Trung, cụ thể ĐH Vinh, ĐH Hà Tĩnh, ĐH Huế, ĐH Đà Nẵng	
6.	Hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ về văn hóa và sáng tạo để phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan tình hình nghiên cứu về hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ về văn hóa, sáng tạo đối với phát triển công nghiệp văn hóa.</li> <li>- Phát triển cơ sở lý luận về hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ về văn hóa, sáng tạo với phát triển công nghiệp văn hóa.</li> <li>- Phân tích, nhận diện hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ về văn hóa, sáng tạo đối với phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ Tư ở Việt Nam trong các yếu tố: phương thức hoạt động, cơ chế vận hành, nền tảng pháp lý chính sách.</li> <li>- Đề xuất các giải pháp hàm ý chính sách nhằm tái cấu trúc hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ về văn hóa, sáng tạo đối với phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu củng cố và phát triển lý luận về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam.</li> <li>- Nghiên cứu chỉ ra cấu trúc, phương thức vận hành, khung mẫu của hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ về văn hóa sáng tạo hiện nay.</li> <li>- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chính sách tái cấu trúc hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam từ tiếp cận sở hữu trí tuệ.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> <li>- Sách chuyên khảo trong nước : 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
<b>II. Hội đồng Khoa học Xã hội và Hành vi</b>			
7.	Chất lượng đời sống chuyên môn và thực hành tự chăm sóc của nhân viên công tác xã hội (NVCTXH) Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích thực trạng chất lượng đời sống chuyên môn và thực hành tự chăm sóc của NVCTXH Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.</li> <li>- Phân tích mối liên hệ giữa chất lượng đời sống chuyên môn và thực hành tự chăm sóc của NVCTXH.</li> <li>- Đề xuất chiến lược tự chăm sóc tổng thể dành cho NVCTXH trong bối cảnh nghề nghiệp và văn hoá đặc trưng của Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thực trạng chất lượng đời sống chuyên môn của NVCTXH Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Báo cáo thực trạng thực hành tự chăm sóc của NVCTXH Việt Nam hiện nay</li> <li>- Báo cáo những rào cản đối với thực hành tự chăm sóc của NVCTXH Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Báo cáo mối liên hệ giữa CLĐSCM và tự chăm sóc ở NVCTXH Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Báo cáo đề xuất giải pháp nâng cao CLĐSCM bằng xây dựng mô hình tự chăm sóc cho NVCTXH Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế Scopus: 02</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 02</li> </ul>
8.	Hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân đảm bảo sinh kế phát triển bền vững kinh tế biển - nghiên cứu tại miền Trung Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan tình hình nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận và bộ công cụ nghiên cứu thực tiễn về hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân.</li> <li>- Xác định mức độ thực hiện các quy tắc an toàn lao động trên biển của ngư dân.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khoa học làm rõ hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân, các yếu tố tâm lý- xã hội ảnh hưởng đến hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân.</li> <li>- Bản đề xuất các kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân.</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý – xã hội đến hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân.</li> <li>- Đề xuất kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân, góp phần bảo vệ được tính mạng, sức khỏe và xây dựng, hoạch định chính sách của Nhà nước về an toàn lao động trên biển cho ngư dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ công cụ đo lường, đánh giá hành vi an toàn lao động trên biển của ngư dân.</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố:</b></li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế không thuộc hệ thống Web of Science, SCOPUS: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 01</li> <li><b>3. Sản phẩm chuyển giao:</b> 01 báo cáo tư vấn chính sách</li> <li><b>4. Sản phẩm đào tạo:</b></li> <li>- Thạc sĩ được cấp bằng: 01</li> </ul>
9.	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử - văn hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gắn với quá trình xác lập và thực thi chủ quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận và tư liệu về quá trình lãnh thổ Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ và vùng hải đảo với Côn Đảo và quần đảo Trường Sa; làm rõ được quá trình khai phá đất đai, xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu.</li> <li>- Điều tra, khảo sát, làm rõ được hiện trạng hệ thống di sản lịch sử - văn hóa gắn với quá trình xác lập, thực thi chủ quyền trên vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu; đánh giá được tiềm năng và giá trị của các di sản đó.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Kết quả khoa học:</b></li> <li>- Báo cáo cơ sở lý luận và tư liệu về quá trình lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ và vùng hải đảo Côn Đảo, Trường Sa; quá trình khai phá đất đai, khẳng định và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu.</li> <li>- Báo cáo hiện trạng hệ thống di sản lịch sử - văn hóa gắn với quá trình xác lập và thực thi chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu.</li> <li>- Báo cáo đề xuất Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di sản lịch sử - văn hóa gắn với quá trình xác lập, thực thi chủ quyền Việt Nam ở Bà Rịa – Vũng Tàu.</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố:</b></li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo</li> </ul>



STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được các giải pháp bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị các di sản lịch sử - văn hóa gắn với quá trình xác lập, thực thi chủ quyền trong phát triển bền vững ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay.</li> </ul>	<p>khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 02</p> <p><b>3. Sản phẩm chuyển giao:</b> Báo cáo tư vấn chính sách: 01</p> <p><b>4. Sản phẩm đào tạo:</b> Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>
10.	Nghiên cứu phát huy giá trị tài nguyên du lịch văn hóa trên cơ sở tích hợp hệ thống thông tin địa lý và công nghệ số (nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Nam)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về sử dụng hệ thống thông tin địa lý và các công nghệ số cho khai thác giá trị tài nguyên du lịch văn hóa.</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch văn hóa phù hợp với chuyển đổi số của tỉnh Hà Nam.</li> <li>- Đề xuất giải pháp quản lý và giải pháp kỹ thuật phát huy giá trị tài nguyên du lịch văn hóa sử dụng hệ thống thông tin địa lý và công nghệ số.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo cơ sở khoa học của tích hợp hệ thống thông tin địa lý và công nghệ số trong phát huy giá trị tài nguyên du lịch văn hóa.</li> <li>- Cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ tích hợp hệ thống thông tin địa lý và công nghệ số các điểm tài nguyên du lịch văn hóa tỉnh Hà Nam.</li> <li>- Các bản đồ tài nguyên du lịch văn hóa tỉnh Hà Nam;</li> <li>- Báo cáo giải pháp quản lý tài nguyên du lịch văn hóa dựa vào hệ thống thông tin địa lý và công nghệ số.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 02</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b> Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>
11.	Một số vấn đề về quản trị địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý luận đánh giá chính sách, thể chế trong hoạt động quản trị địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo nghiên cứu thực trạng quản trị địa phương trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển kinh tế xã hội ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
	thôn mới, nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn : nghiên cứu trường hợp huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	<p>thôn mới nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được thực trạng quản trị địa phương trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.</li> <li>- Đề xuất được những giải pháp đối với một số vấn đề quản trị địa phương trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn tỉnh Nam Định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo nghiên cứu và đề xuất giải pháp đối với một số vấn đề quản trị địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển kinh tế xã hội ở khu vực nông thôn tỉnh Nam Định.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 02</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm chuyển giao:</b> Báo cáo khuyến nghị: 01</p> <p><b>4. Sản phẩm đào tạo:</b> Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>
12.	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến sự chuyển đổi sang nông nghiệp công nghệ cao. Nghiên cứu tại tỉnh Quảng Ninh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá bối cảnh, thực trạng chuyển đổi sang nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Quảng Ninh.</li> <li>- Xác định được các yếu tố và đề xuất khung Phân tích các yếu tố tác động đến sự dịch chuyển sang nông nghiệp công nghệ cao của người nông dân.</li> <li>- Phân tích sự ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự chuyển đổi sang nông nghiệp công nghệ cao.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 báo cáo phân tích thực trạng chuyển đổi sang nông nghiệp công nghệ cao.</li> <li>- 01 báo cáo xác định và phân tích các yếu tố tác động đến sự dịch chuyển sang nông nghiệp công nghệ cao của người nông dân.</li> <li>- 01 báo cáo giải pháp chính sách cho cơ quan nhà nước và các bên liên quan đến thúc đẩy thực hiện áp dụng nông nghiệp công nghệ cao.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế không thuộc hệ thống Scopus: 01</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được giải pháp chính sách cho các cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan đến thúc đẩy thực hiện áp dụng nông nghiệp công nghệ cao.</li> </ul>	<p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b> Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>
13.	Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển công nghiệp văn hoá ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát hệ thống cơ sở lý luận về công nghiệp văn hoá và phát triển ngành công nghiệp văn hoá ở Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Đánh giá thực trạng và việc thực thi chính sách và pháp luật về phát triển ngành công nghiệp văn hoá của Việt Nam.</li> <li>- Luận giải vấn đề đặt ra và một số khuyến nghị về chính sách phát triển ngành công nghiệp văn hoá của Việt Nam trong thời gian tới.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng và việc thực thi chính sách và pháp luật về phát triển công nghiệp văn hoá ở Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển công nghiệp văn hoá ở Việt Nam hiện nay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 02</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
14.	Vai trò của vốn xã hội trong phát triển mô hình thư viện cộng đồng thành công (Nghiên cứu trường hợp tại Tỉnh Bắc Ninh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ mối quan hệ giữa vốn xã hội (bao gồm mạng lưới XH, lòng tin, và sự tham gia của cộng đồng) và việc phát triển mô hình thư viện cộng đồng.</li> <li>- Xây dựng khung lý thuyết phát triển thư viện cộng đồng với sự tham gia của các bên liên quan.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo làm rõ mối quan hệ giữa vốn xã hội (bao gồm mạng lưới XH, lòng tin, và sự tham gia của cộng đồng) và việc phát triển mô hình thư viện cộng đồng.</li> <li>- Báo cáo xây dựng khung lý thuyết phát triển thư viện cộng đồng với sự tham gia của các bên liên quan.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		- Làm rõ điểm mạnh và điểm hạn chế của một số mô hình thư viện cộng đồng tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh. iii) Làm rõ mức độ hài lòng và giá trị thụ hưởng của người dân khi tham gia xây dựng và sử dụng thư viện cộng đồng.	Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 01 - Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 01 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
<b>III. Hội đồng Khoa học và Công nghệ Giáo dục</b>			
15.	Nghiên cứu hệ thống thông tin quản lý hỗ trợ người học dựa trên Trí tuệ nhân tạo.	- Đề xuất xây dựng hệ thống hỗ trợ sinh viên (qua App Mobi/web-based và có sử dụng AI, ML). - Mô hình Mobi/web-based dựa trên trí tuệ nhân tạo hỗ trợ xử lý, tiếp nhận thông tin phản ánh, đề nghị hỗ trợ của Sinh viên, xử lý tức thì các đề nghị của SV, giúp nhà quản lý có thông tin tổng hợp, thống kê, dự báo được các yêu cầu, tâm tư nguyện vọng của SV, từ đó có các chính sách, cơ chế, cách thức phù hợp để hỗ trợ và quản lý SV; hướng tới mô hình đại học thông minh.	<b>1. Kết quả khoa học:</b> - Hệ thống mô hình hỗ trợ sinh viên (qua App Mobi/web-based và có sử dụng AI, ML): Ứng dụng vào quản lý, Hỗ trợ SV tại Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN - Báo cáo mô tả và hướng dẫn của mô hình. <b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 01 - Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 02 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
16.	Mối quan hệ giữa hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và sự hình thành văn	- Xây dựng được cơ sở lý luận và khung lý thuyết đánh giá tác động của hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	<b>1. Kết quả khoa học:</b> - Báo cáo đánh giá tác động của hệ thống ĐBCL bên trong đến hình thành VHCL trong trường đại học.

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
	hóa chất lượng: nghiên cứu trường hợp ở một số đại học của Việt Nam	<p>bên trong đến hình thành văn hóa chất lượng (VHCL) trong trường đại học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được thực trạng hệ thống ĐBCL bên trong và VHCL. Đánh giá được tác động của ĐBCL bên trong đến VHCL tại một số trường đại học</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp tăng cường hiệu quả hệ thống ĐBCL bên trong và phát triển VHCL tại các trường đại học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo phân tích thực trạng hệ thống ĐBCL bên trong và VHCL. Đánh giá tác động của ĐBCL bên trong đến VHCL tại một số trường đại học.</li> <li>- Báo cáo Đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả hệ thống ĐBCL bên trong và phát triển VHCL tại các trường đại học.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
17.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất theo mô hình giáo dục toàn diện cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động giáo dục thể chất bền vững theo định hướng giáo dục toàn diện cho sinh viên ĐHQGHN.</li> <li>- Đề xuất các giải pháp khuyến nghị nhằm cải thiện và đẩy mạnh việc duy trì hoạt động giáo dục thể chất bền vững theo mô hình giáo dục toàn diện cho sinh viên ĐHQGHN.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động giáo dục thể chất bền vững theo định hướng giáo dục toàn diện cho sinh viên ĐHQGHN, được xây dựng dựa trên phân tích thực trạng và đánh giá các yếu tố liên quan.</li> <li>- Các giải pháp khuyến nghị nhằm cải thiện và đẩy mạnh việc duy trì hoạt động giáo dục thể chất bền vững theo mô hình giáo dục toàn diện cho sinh viên ĐHQGHN.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI):01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
18.	<p>Ứng dụng phương pháp giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh (EMI – English Medium Instruction) trong hoạt động đào tạo: nghiên cứu trường hợp tại ĐHQGHN</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hoá được khung lý thuyết và mô hình giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh (EMI) trong giáo dục đại học;</li> <li>- Làm rõ được thực trạng giảng dạy EMI tại ĐHQGHN thông qua đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của các hoạt động đào tạo kỹ năng và phương pháp cho giảng viên EMI.</li> <li>- Đề xuất được khung lý thuyết thực hành EMI tại ĐHQGHN và những gợi ý thực hành giảng dạy EMI hiệu quả cho giảng viên ĐHQGHN, giúp nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần bằng chuyên môn bằng tiếng Anh;</li> <li>- Nâng cao năng lực giảng dạy EMI cho ít nhất 40 giảng viên tại ĐHQGHN.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khoa học về cơ sở khoa học của EMI trong giáo dục đại học.</li> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng triển khai EMI tại ĐHQGHN.</li> <li>- Báo cáo đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo EMI cho các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.</li> <li>- Khóa tập huấn cho ít nhất 40 lượt giảng viên về phương pháp giảng dạy EMI.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 02</li> <li>- Sản phẩm chuyển giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...) : Báo cáo tư vấn chính sách và khung lý thuyết triển khai EMI phù hợp với bối cảnh đào tạo tại ĐHQGHN</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>
<b>IV. Hội đồng Khoa học Quản trị và Kinh tế</b>			
19.	<p>Xây dựng pháp luật trong bối cảnh nền kinh tế số: lý luận, thực tiễn ở một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích những vấn đề có tính nguyên lý về tác động của kinh tế số đến xây dựng pháp luật; nguyên tắc, yêu cầu của xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số.</li> </ul>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo phân tích những vấn đề có tính nguyên lý về tác động của kinh tế số đến xây dựng pháp luật; nguyên tắc, yêu cầu của xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số.</li> <li>- Báo cáo khảo cứu, phân tích kinh nghiệm xây dựng pháp luật trong</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo cứu, phân tích kinh nghiệm xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số ở một số quốc gia trên thế giới và khu vực ASEAN; đặc biệt phân tích một số mô hình xây dựng pháp luật mới hình thành trong bối cảnh KTS ở các quốc gia trên thế giới, khu vực (mô hình Regulatory Sandbox).</li> <li>- Phân tích yêu cầu, thách thức và thực trạng xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam hiện nay; đánh giá thành tựu, hạn chế trong hoạt động xây dựng pháp luật thực tiễn trong so chiếu với các yêu cầu của kinh tế số; đặc biệt phân tích khả năng và thực tiễn ứng dụng một số mô hình xây dựng pháp luật mới trong bối cảnh Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất một số giải pháp về xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam.</li> </ul>	<p>bối cảnh kinh tế số ở một số quốc gia trên thế giới và khu vực ASEAN; đặc biệt phân tích một số mô hình xây dựng pháp luật mới hình thành trong bối cảnh KTS ở các quốc gia trên thế giới, khu vực (mô hình Regulatory Sandbox).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Phân tích yêu cầu, thách thức và thực trạng xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam hiện nay; đánh giá thành tựu, hạn chế trong hoạt động xây dựng pháp luật thực tiễn trong so chiếu với các yêu cầu của kinh tế số; đặc biệt phân tích khả năng và thực tiễn ứng dụng một số mô hình xây dựng pháp luật mới trong bối cảnh Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất một số giải pháp về xây dựng pháp luật trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 02</li> <li>- Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
20.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan được các nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển khu công nghiệp theo định hướng kinh tế tuần hoàn.</li> </ul>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam theo định hướng kinh tế tuần hoàn.</li> <li>- Báo cáo đề xuất giải pháp nhằm phát triển khu công nghiệp tại Việt</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
	theo định hướng kinh tế tuần hoàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích và đánh giá được kinh nghiệm quốc tế về phát triển khu công nghiệp theo định hướng kinh tế tuần hoàn.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam theo định hướng kinh tế tuần hoàn.</li> <li>- Xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam theo định hướng kinh tế tuần hoàn.</li> <li>- Đề xuất được một số giải pháp nhằm phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam theo định hướng kinh tế tuần hoàn.</li> </ul>	<p>Nam theo định hướng kinh tế tuần hoàn.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 02</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>
21.	Vai trò chuyển đổi số của chính phủ đến tăng trưởng kinh tế địa phương và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tác động của chính quyền số đối với việc thúc đẩy nền kinh tế số và chuyển đổi số và hiệu quả của doanh nghiệp địa phương.</li> <li>- Phân tích ảnh hưởng lan tỏa của chính quyền số cấp tỉnh/thành phố đối với phát triển kinh tế số và hiệu quả doanh nghiệp tại các địa phương lân cận.</li> <li>- Đề xuất các hàm ý chính sách góp</li> </ul>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo phân tích tác động của chính quyền số đối với việc thúc đẩy nền kinh tế số và chuyển đổi số và hiệu quả của doanh nghiệp địa phương.</li> <li>- Báo cáo phân tích ảnh hưởng lan tỏa của chính quyền số cấp tỉnh/thành phố đối với phát triển kinh tế số và hiệu quả doanh nghiệp tại các địa phương lân cận.</li> <li>- Báo cáo đề xuất các hàm ý chính sách góp phần hoàn thiện chính quyền số địa phương cũng như liên kết vùng trong chuyển đổi số, hướng tới phát triển kinh tế số và chuyển đổi số của doanh nghiệp</li> </ul>



STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		phần hoàn thiện chính quyền số địa phương cũng như liên kết vùng trong chuyển đổi số, hướng tới phát triển kinh tế số và chuyển đổi số của doanh nghiệp doanh nghiệp.	doanh nghiệp. <b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 02 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
22.	Nghiên cứu hệ thống quản trị tri thức trong việc nâng cao lợi thế cạnh tranh cho trường đại học – trường hợp tại ĐHQGHN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tình hình quản trị tri thức tại ĐHQGHN, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống hiện tại.</li> <li>- Kinh nghiệm trong nước và quốc tế về hệ thống quản trị tri thức hiệu quả trong các trường đại học để rút ra bài học áp dụng cho ĐHQGHN.</li> <li>- Đề xuất các giải pháp để xây dựng hệ thống quản trị tri thức hiệu quả tại ĐHQGHN, bao gồm việc cải thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin tri thức, phát triển các chương trình đào tạo và nghiên cứu phù hợp với nhu cầu của xã hội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Sản phẩm khoa học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo phân tích tình hình quản trị tri thức tại ĐHQGHN, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống hiện tại.</li> <li>- Báo cáo kinh nghiệm trong nước và quốc tế về hệ thống quản trị tri thức hiệu quả trong các trường đại học để rút ra bài học áp dụng cho ĐHQGHN.</li> <li>- Báo cáo đề xuất các giải pháp để xây dựng hệ thống quản trị tri thức hiệu quả tại ĐHQGHN, bao gồm việc cải thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin tri thức, phát triển các chương trình đào tạo và nghiên cứu phù hợp với nhu cầu của xã hội.</li> <li>- Đề xuất các hướng phát triển và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị tri thức trong tương lai tại ĐHQGHN.</li> </ul> </li> <li><b>2. Sản phẩm công bố:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> </li> <li><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
23.	Đánh giá ảnh hưởng của nhận thức về thương hiệu và rủi ro cảm nhận xanh tới việc sẵn sàng chi trả cho sản phẩm thời trang xanh của người tiêu dùng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của nhận thức về thương hiệu xanh, lòng trung thành với thương hiệu xanh và rủi ro cảm nhận xanh tới việc sẵn sàng chi trả cho sản phẩm xanh.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được thực trạng ảnh hưởng của nhận thức về thương hiệu xanh tới việc sẵn sàng trả giá cao cho sản phẩm thời trang xanh : vai trò trung gian của lòng trung thành với thương hiệu xanh và vai trò điều tiết của rủi ro cảm nhận xanh.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp giảm thiểu rủi ro cảm nhận xanh, đồng thời nâng cao sự nhận thức, lòng trung thành với thương hiệu xanh và sự sẵn sàng trả giá cao cho sản phẩm xanh của người tiêu dùng.</li> </ul>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thực trạng và xu hướng phát triển của thời trang xanh.</li> <li>- Giải pháp giảm thiểu rủi ro cảm nhận xanh, nâng cao sự nhận thức, lòng trung thành với thương hiệu xanh và sự sẵn sàng trả giá cao cho sản phẩm thời trang xanh của người tiêu dùng.</li> <li>- Báo cáo đánh giá sự ảnh hưởng của nhận thức thương hiệu xanh tới sự sẵn sàng trả giá cao cho sản phẩm thời trang xanh: Vai trò trung gian của lòng trung thành và vai trò điều tiết của cảm nhận rủi ro xanh.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
24.	Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả của người dân cho giảm thiểu ô nhiễm không khí tại một số đô thị lớn ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan được thực trạng ô nhiễm, thực trạng quản lý ô nhiễm không khí trên địa bàn một số đô thị lớn ở Việt Nam.</li> <li>- Đánh giá được nhận thức của người dân về ô nhiễm không khí nói chung và</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng quan về thực trạng ô nhiễm không khí, thực trạng quản lý môi trường không khí.</li> <li>- Báo cáo đánh giá nhận thức của người dân về ô nhiễm không khí.</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<p>ô nhiễm không khí trên địa bàn một số đô thị lớn ở Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào xử lý và giảm thiểu ô nhiễm không khí của người dân sống trên địa bàn khu vực đồng bằng sông Hồng.</li> <li>- Ước tính được mức chi trả tự nguyện của người dân cho hoạt động quản lý, xử lý ô nhiễm không khí tại khu dân cư trên địa bàn một số đô thị lớn ở Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần cải thiện công tác quản lý, xử lý ô nhiễm không khí trên địa bàn một số đô thị lớn ở Việt Nam và ở Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng hợp các giải pháp cải thiện công tác quản lý, xử lý và giảm thiểu ô nhiễm không khí trên địa bàn một số đô thị lớn ở Việt Nam.</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố:</b></li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus : 02</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> <li><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></li> <li>Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</li> </ul>
25.	<p>Tác động của ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán đến chất lượng của hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực trạng thông tin tài chính bất cân xứng của thị trường chứng khoán tại Việt Nam.</li> <li>- Kiểm định sự tồn tại của lý thuyết tín hiệu trong các trường hợp doanh nghiệp cung cấp thông tin về chính sách chi trả cổ tức, chia tách cổ phiếu, cơ cấu vốn và M&amp;A cũng như đánh giá sự phản ứng của nhà đầu tư trước các tín hiệu từ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Kết quả khoa học:</b></li> <li>- Báo cáo về thực trạng thông tin bất cân xứng tại Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo đề xuất hệ thống các giải pháp đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp niêm yết và cơ quan quản lý tại Việt Nam từ kết quả vận dụng Lý thuyết tín hiệu và Lý thuyết bất cân xứng thông tin.</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố:</b></li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<p>phía doanh nghiệp điều kiện thông tin bất cân xứng.</p> <p>- Đề xuất hệ thống các giải pháp đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp niêm yết và cơ quan quản lý từ các kết quả nghiên cứu.</p>	<p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
26.	Phân tích hiệu quả sinh thái của sản xuất cà phê theo chứng chỉ tại khu vực Tây Nguyên	<p>- Phân tích tình hình quản trị tri thức tại ĐHQGHN, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống hiện tại.</p> <p>- Kinh nghiệm trong nước và quốc tế về hệ thống quản trị tri thức hiệu quả trong các trường đại học để rút ra bài học áp dụng cho ĐHQGHN.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp để xây dựng hệ thống quản trị tri thức hiệu quả tại ĐHQGHN, bao gồm việc cải thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin tri thức, phát triển các chương trình đào tạo và nghiên cứu phù hợp với nhu cầu của xã hội.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Báo cáo phân tích tình hình quản trị tri thức tại ĐHQGHN, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống hiện tại.</p> <p>- Báo cáo kinh nghiệm trong nước và quốc tế về hệ thống quản trị tri thức hiệu quả trong các trường đại học để rút ra bài học áp dụng cho ĐHQGHN.</p> <p>- Báo cáo đề xuất các giải pháp để xây dựng hệ thống quản trị tri thức hiệu quả tại ĐHQGHN, bao gồm việc cải thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin tri thức, phát triển các chương trình đào tạo và nghiên cứu phù hợp với nhu cầu của xã hội.</p> <p>- Đề xuất các hướng phát triển và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị tri thức trong tương lai tại ĐHQGHN..</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
<b>V. Hội đồng khoa học và công nghệ Sự sống</b>			
27.	Xây dựng phương pháp đánh giá mức độ ô nhiễm vi nhựa trong một số thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được một số phương pháp khả thi và hiệu quả để phát hiện đánh giá hạt vi nhựa có kích thước khác nhau trong một số thực phẩm.</li> <li>- Xây dựng được quy trình đánh giá mức độ ô nhiễm vi nhựa trong một số mẫu thực phẩm có kích thước khác nhau để áp dụng cho công tác kiểm định vệ sinh an toàn thực phẩm trong nước.</li> <li>- Áp dụng được các quy trình phân tích đã xây dựng để đánh giá hiện trạng nhiễm vi nhựa trong một số sản phẩm trong nước và nhập khẩu.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp phát hiện hạt vi nhựa có kích thước khác nhau (&lt;20<math>\mu</math>m; 20-100<math>\mu</math>m và &gt;200<math>\mu</math>m) trong một số thực phẩm phổ biến.</li> <li>- Quy trình phân tích mức độ nhiễm vi nhựa trong một số thực phẩm để áp dụng trong kiểm định an toàn vệ sinh thực phẩm.</li> <li>- Báo cáo đánh giá hiện trạng nhiễm vi nhựa trong một số thực phẩm trong nước và nhập khẩu.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
28.	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng thuật toán tối ưu nhằm kiểm soát một số điều kiện sản xuất rau cải bó xôi ( <i>Spinacia oleracea</i> L.) trong mô hình nhà máy trồng trọt.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo dõi và phân tích được ảnh hưởng đồng thời của một số điều kiện môi trường tới các chỉ tiêu sinh trưởng, năng suất và chất lượng của rau cải bó xôi trong mô hình nhà máy trồng trọt ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau.</li> <li>- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các giải thuật toán học nhằm tối ưu</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo mô tả quy trình trồng rau cải bó xôi trong mô hình nhà máy trồng trọt ứng dụng kết quả thuật toán tối ưu.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ (ghi rõ loại hình): 01</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		được sự kết hợp các yếu tố để tối đa năng suất của cải bó xôi trong mô hình nhà máy trồng trọt.	<b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> - Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo) : 01
29.	Nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng vật liệu nano trên nền carbon trong canh tác cây rau đắng biển <i>Bacopa monnieri</i> (L.) Wettst	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế tạo được ba loại vật liệu nano trên nền carbon từ các nguồn vật liệu hữu cơ tổng hợp hoặc tự nhiên kết hợp/không kết hợp với một số thành phần khác như sắt, đồng, kẽm ...</li> <li>- Ứng dụng vật liệu nano trên nền carbon trong canh tác cây rau đắng biển nhằm tăng được tỉ lệ nảy mầm, rút ngắn thời gian nảy mầm và ra rễ, kích thích khả năng sinh trưởng phát triển của cây.</li> </ul>	<b>1. Kết quả khoa học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu nano trên nền carbon (1 lít/loại, nồng độ 100 ppm).</li> <li>- Quy trình công nghệ chế tạo vật liệu nano trên nền carbon ứng dụng trong quá trình giảm canh cây rau đắng biển.</li> </ul> <b>2. Sản phẩm công bố:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 01</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 01 giải pháp hữu ích.</li> </ul> <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
<b>VI. Hội đồng khoa học và công nghệ Trái đất và Môi trường</b>			
30.	Nghiên cứu sinh khối thực vật và khả năng hấp thụ carbon rừng khu vực Vườn quốc gia (VQG) Cát Bà theo tiếp cận cảnh quan với sự hỗ trợ của thông tin địa không gian	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác lập được cơ sở lý luận nghiên cứu sinh khối thực vật, khả năng hấp thụ carbon rừng nhiệt đới theo tiếp cận cảnh quan với sự hỗ trợ của thông tin địa không gian.</li> <li>- Xây dựng được mô hình ước tính sinh khối trên mặt đất và lượng hóa</li> </ul>	<b>1. Kết quả khoa học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình ước tính sinh khối trên mặt đất của cảnh quan rừng khu vực VQG Cát Bà.</li> <li>- Đặc điểm cảnh quan rừng khu vực VQG Cát Bà.</li> <li>- Bộ bản đồ gồm: i) Bản đồ hiện trạng rừng khu vực VQG Cát Bà; ii) Bản đồ cảnh quan rừng khu vực VQG Cát Bà; iii) Bản đồ sinh khối rừng năm 2025 khu vực VQG Cát Bà; iv) Bản đồ ước tính khả năng</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<p>được khả năng hấp thụ carbon của cảnh quan rừng khu vực VQG Cát Bà với sự hỗ trợ của thông tin địa không gian.</p> <p>- Đề xuất chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng khu vực VQG Cát Bà trên cơ sở xác định sinh khối thực vật, khả năng hấp thụ carbon.</p>	<p>hấp thụ carbon của cảnh quan rừng năm 2025 khu vực VQG Cát Bà.</p> <p>- Cơ sở lý luận nghiên cứu sinh khối thực vật, khả năng hấp thụ carbon rừng nhiệt đới theo tiếp cận cảnh quan với sự hỗ trợ của thông tin địa không gian.</p> <p>- Khả năng hấp thụ carbon và lượng giá giá trị hấp thụ carbon của cảnh quan rừng khu vực VQG Cát Bà.</p> <p>- Đề xuất các chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho khu vực VQG Cát Bà.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
31.	<p>Nghiên cứu xử lý kết hợp chất thải giàu nitơ và lignocellulose để sản xuất phân nitơ hữu cơ, có tiềm năng thay thế phân nitơ hóa học ứng dụng trong nền nông nghiệp sạch</p>	<p>- Đánh giá được tiềm năng của một số vật liệu thải giàu nitơ (óc, cá tạp, phế thải chế biến thủy sản...), lignocellulose (vỏ lạc, rơm rạ...) và khả năng tuần hoàn những vật liệu này để sản xuất phân nitơ hữu cơ.</p> <p>- Xây dựng được quy trình sản xuất phân nitơ hữu cơ chất lượng cao, khoáng hóa chậm và thân thiện với môi trường từ các vật liệu thải nghiên</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Bộ số liệu đặc tính hóa học của các loại phân nitơ hữu cơ được sản xuất</p> <p>- Báo cáo đánh giá hiệu quả của sản phẩm phân nitơ hữu cơ</p> <p>- Quy trình xử lý kết hợp các chất thải giàu nitơ, lignocellulose để sản xuất phân nitơ hữu cơ</p> <p>- Báo cáo đánh giá độc học của các loại phân bón được sản xuất đối với thực vật</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<p>cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được hiệu quả của phân nitơ hữu cơ và tiềm năng thay thế phân nitơ hóa học trong sản xuất nông nghiệp sạch.</li> </ul>	<p>Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ (ghi rõ loại hình): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
32.	<p>Phát triển mô hình học máy trong đánh giá tính dễ bị tổn thương do sạt lở bờ biển khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý luận về đánh giá tổn thương bờ biển bằng ứng dụng trí tuệ nhân tạo, bộ tiêu chí và mô hình học máy sâu trong đánh giá mức độ tổn thương bờ biển do xói lở cho các kiểu bờ khác nhau ở Việt Nam.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng, diễn biến xói lở bờ biển và tác động của nó tới hệ thống tự nhiên, kinh tế - xã hội ở vùng bờ biển Quảng Nam – Đà Nẵng bằng công nghệ học máy.</li> <li>- Đánh giá được mức độ tổn thương do xói lở bờ biển Quảng Nam – Đà Nẵng trên cơ sở ứng dụng mô hình học máy và đề xuất giải pháp phát triển mô hình trong đánh giá tổn thương một số vùng bờ biển khác ở Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về đánh giá tổn thương bờ biển bằng ứng dụng trí tuệ nhân tạo.</li> <li>- Kết quả đánh giá mức độ tổn thương bờ biển bằng mô hình Bayesian Belief Network kèm theo bản đồ mức độ tổn thương bờ biển khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng tỷ lệ 1:50.000 và giải pháp phát triển mô hình trí tuệ nhân tạo trong đánh giá tổn thương một số vùng bờ biển khác ở Việt Nam.</li> <li>- Bộ tiêu chí và mô hình học máy sâu phù hợp với đánh giá tổn thương bờ biển cho các kiểu bờ khác nhau ở Việt Nam.</li> <li>- Kết quả đánh giá biến động bờ biển và tác động của nó tới hệ thống tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực Đà Nẵng – Quảng Nam bằng công nghệ học máy, kèm theo sơ đồ biến động bờ biển tỷ lệ 1 :50.000 một số khu vực trọng điểm.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul>



STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> - Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo) : 01 - Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
33.	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp than sinh học/oxide kim loại từ bùn thải xi măng và vỏ trấu ứng dụng làm vật liệu xúc tác dị thể cho quá trình oxy hóa tiên tiến để loại bỏ chất ô nhiễm hữu cơ trong nước thải	- Thiết lập được quy trình tái chế bùn thải xi măng kết hợp than sinh học từ vỏ trấu thành xúc tác dị thể cho quá trình oxy hóa tiên tiến. - Ứng dụng vật liệu làm chất xúc tác dị thể cho quá trình oxy hóa tiên tiến xử lý được các chất ô nhiễm hữu cơ trong nước thải từ công nghiệp dệt nhuộm và nước thải y tế. Nước sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm QCVN 13 :2015/BTNMT và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28 :2010/BTNMT.	<b>1. Kết quả khoa học:</b> - Quy trình công nghệ sử dụng vật liệu chế tạo xử lý được thuốc nhuộm và kháng sinh trong nước trong đạt tiêu chuẩn xả thải hiện hành. <b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 1 - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01 - Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 01 - Đăng ký sở hữu trí tuệ (ghi rõ loại hình): 01 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
34.	Phân tích chuỗi thời gian các tham số hoá lý phục vụ dự báo chất lượng nước Biển Hồ Gia Lai sử dụng công nghệ học máy	- Xây dựng bộ dữ liệu chất lượng nước Biển Hồ theo không gian và thời gian với các chỉ tiêu quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thử nghiệm các mô hình học máy và áp dụng mô hình học máy tối ưu trong	<b>1. Kết quả khoa học:</b> - Mô hình học máy dự báo xu thế biến đổi chất lượng nước Biển Hồ. - Bộ dữ liệu quan trắc các tham số chất lượng nước Biển Hồ. <b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 01 - Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		đánh giá tổng hợp và dự báo chất lượng nước theo chuỗi thời gian.	khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
35.	Sử dụng tiếp cận địa không gian trong đánh giá mối quan hệ giữa thay đổi mô hình sử dụng đất và bảo tồn Di sản thế giới hỗn hợp – Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung lý thuyết về phát triển bền vững Di sản thế giới để làm cơ sở khoa học cho các tiếp cận về xử lý và phân tích dữ liệu đa thời gian và đa phương thức cho các khu vực đô thị.</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian chiết xuất từ dữ liệu ảnh vệ tinh độ phân giải không gian cao và dữ liệu GIS phục vụ công tác bảo tồn Di sản thế giới hỗn hợp – Quần thể danh thắng Tràng An.</li> <li>- Thiết lập bộ chỉ số lượng hóa nguy cơ tác động của thay đổi mô hình sử dụng đất đến các giá trị nổi bật toàn cầu (OUV) của Quần thể danh thắng Tràng An.</li> <li>- Đề xuất dự thảo bộ chỉ số dự báo tác động của thay đổi sử dụng đất đến bảo tồn Di sản thế giới có thể giúp định hướng điều chỉnh quy hoạch đô thị và quy hoạch bảo tồn.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dữ liệu đa thời gian với độ phân giải không gian cao theo dõi sự thay đổi của mô hình sử dụng đất trong khu vực Quần thể danh thắng Tràng An và vùng lân cận.</li> <li>- Bộ chỉ số lượng hóa tác động của thay đổi mô hình sử dụng đất đến các giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể danh thắng Tràng An phục vụ công tác bảo tồn Di sản thế giới hỗn hợp.</li> <li>- Bộ bản đồ phân bố không gian mức độ nguy cơ tác động của thay đổi sử dụng đất đến các giá trị nổi bật toàn cầu (OUV) của Quần thể danh thắng Tràng An.</li> <li>- Khung lý thuyết về ứng dụng địa không gian trong nghiên cứu mối quan hệ giữa thay đổi sử dụng đất và bảo tồn Di sản thế giới.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 02</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
36.	Nghiên cứu bất bình đẳng không gian trong phát triển đô thị Hạ Long (Quảng Ninh) phục vụ quy hoạch và quản lý đô thị bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác lập được cơ sở lý luận và thực tiễn về bất bình đẳng không gian trong phát triển đô thị tại các quốc gia trên thế giới.</li> <li>- Phân tích các yếu tố tác động đến bất bình đẳng không gian trong phát triển đô thị Hạ Long.</li> <li>- Xây dựng chỉ số tổng hợp phục vụ đánh giá bất bình đẳng không gian trong phát triển đô thị Hạ Long.</li> <li>- Đề xuất giải pháp nhằm quản lý, quy hoạch đô thị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, hướng tới phát triển bền vững.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về bất bình đẳng không gian trong phát triển đô thị.</li> <li>- Báo cáo đánh giá tổng hợp bất bình đẳng không gian trong phát triển đô thị Hạ Long.</li> <li>- Giải pháp quản lý, quy hoạch đô thị bền vững tại thành phố Hạ Long.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> </ul>
37.	Nghiên cứu xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản bằng công nghệ đất ngập nước nhân tạo kết hợp pin nhiên liệu vi sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và thiết lập hệ đất ngập nước nhân tạo kết hợp pin nhiên liệu vi sinh để xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản quy mô phòng thí nghiệm.</li> <li>- Đánh giá được hiệu quả xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản bằng hệ đất ngập nước nhân tạo kết hợp pin nhiên liệu vi sinh quy mô phòng thí nghiệm và xác định được điện năng tạo ra từ hệ thống này.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ đất ngập nước nhân tạo kết hợp pin nhiên liệu vi sinh quy mô phòng thí nghiệm.</li> <li>- Báo cáo đánh giá hiệu quả xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản bằng hệ đất ngập nước nhân tạo kết hợp pin nhiên liệu vi sinh quy mô phòng thí nghiệm và xác định được điện năng tạo ra từ hệ thống này.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
38.	Nghiên cứu ứng dụng đồng vị Radon, Urani trong đánh giá thời gian lưu trú và nguồn bổ cập nguồn địa nhiệt Thanh Thủy, Phú Thọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, xác định được các đặc điểm địa chất, địa hóa địa nhiệt khu vực Thanh Thủy – Phú Thọ phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu cho việc triển khai các phương pháp nghiên cứu/khả năng ứng dụng của đồng vị radon và urani trong việc đánh thời gian lưu trú và nguồn bổ cập các điểm xuất lộ nước khoáng nóng.</li> <li>- Nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp phương pháp xác định đồng vị radon và urani trong mẫu nước tại nguồn địa nhiệt Thanh Thủy, Phú Thọ.</li> <li>- Nghiên cứu, đánh giá đặc điểm địa hóa đồng vị radon và urani trong môi trường nước mặt, nước ngầm, nước khoáng nóng ở khu vực nguồn địa nhiệt Thanh Thủy, Phú Thọ.</li> <li>- Nghiên cứu, đánh giá được khả năng ứng dụng đồng vị radon và urani trong việc đánh thời gian lưu trú và nguồn</li> </ul>	<b>1. Kết quả khoa học:</b> - Báo cáo kết quả đánh giá đặc điểm địa hóa đồng vị radon và urani trong môi trường nước mặt, nước ngầm, và trong nước khoáng nóng tại khu vực nguồn nước khoáng nóng Thanh Thủy, Phú Thọ. - Bộ cơ sở dữ liệu kết quả xây dựng phương pháp xác định đồng vị radon và urani trong mẫu nước khoáng nóng. <b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI) : 2 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng):01

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		bổ cập của nguồn địa nhiệt Thanh Thủy, Phú Thọ.	
39.	Đánh giá sự biến động các dịch vụ hệ sinh thái dưới tác động của tai biến trượt lở đất huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý luận về đánh giá biến động giá trị dịch vụ hệ sinh thái dưới áp lực của tai biến trượt lở đất.</li> <li>- Làm rõ được diễn biến của tai biến trượt lở đất dựa vào ảnh viễn thám và mô hình trí tuệ nhân tạo ở khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.</li> <li>- Đánh giá được biến động giá trị dịch vụ hệ sinh thái dưới tác động của tai biến trượt lở đất và đề xuất giải pháp tăng cường khả năng điều tiết tai biến trượt lở của các hệ sinh thái.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn biến tai biến trượt lở đất dựa vào ảnh viễn thám và mô hình trí tuệ nhân tạo ở khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.</li> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn đánh giá dịch vụ hệ sinh thái dưới áp lực của tai biến trượt lở đất.</li> <li>- Giải pháp tăng cường khả năng điều tiết tai biến trượt lở đất của các hệ sinh thái.</li> <li>- Kết quả đánh giá biến đổi giá trị dịch vụ hệ sinh thái dưới tác động của tai biến trượt lở đất và khả năng điều tiết trượt lở đất của các hệ sinh thái khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> </ul>
40.	Nghiên cứu tái sử dụng các vật liệu thải aluminosilicat và lignocellulose bằng công nghệ geopolymer ứng	- Xây dựng được quy trình chế tạo geopolymer tái sử dụng từ các vật liệu thải aluminosilicat và lignocellulose có	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá khả năng xử lý amoni của geopolymer tạo thành từ các vật liệu thải aluminosilicat kết hợp lignocellulose</li> <li>- Báo cáo luận giải khả năng xử lý amoni dựa trên đặc tính vật liệu</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
	dụng làm vật liệu xử lý amoni trong môi trường nước	<p>khả năng xử lý amoni trong môi trường nước.</p> <p>- Đánh giá và luận giải khả năng xử lý amoni của geopolymer tái sử dụng từ các vật liệu thải aluminosilicat và lignocellulose khảo sát dưới các yếu tố ảnh hưởng;</p>	<p>geopolymer tạo thành từ các vật liệu thải aluminosilicat kết hợp lignocellulose.</p> <p>- Quy trình chế tạo geopolymer từ các vật liệu thải aluminosilicat kết hợp lignocellulose cho xử lý amoni</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI):01</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
41.	Nghiên cứu dịch vụ văn hóa của hệ sinh thái quần đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu dựa trên mô hình học máy và dữ liệu truyền thông từ mạng xã hội	<p>- Phân loại được các hệ sinh thái chính của quần đảo Côn Đảo: hệ sinh thái rừng tự nhiên, hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái quần cư, hệ sinh thái biển-đảo,...</p> <p>- Thiết lập được mô hình học máy trong phân loại dịch vụ văn hóa của hệ sinh thái quần đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> <p>- Thành lập được bản đồ dịch vụ văn hóa của các hệ sinh thái chính trên quần đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Bản đồ dịch vụ văn hóa theo các hệ sinh thái chính trên quần đảo Côn Đảo.</p> <p>- Báo cáo đánh giá dịch vụ văn hóa của các hệ sinh thái chính trên quần đảo Côn Đảo.</p> <p>- Nghiên cứu tổng quan tài liệu, xác định phương pháp, phương pháp luận đánh giá dịch vụ văn hóa hệ sinh thái biển-đảo.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 02</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được các giải pháp phát triển kết hợp bảo tồn dịch vụ văn hóa cho khu vực nghiên cứu.</li> </ul>	<p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
42.	<p>Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ tách chiết, thu hồi than tàn dư, sắt và khoáng silica từ tro bay của nhà máy nhiệt điện than tại Việt Nam hướng đến sản xuất nguyên liệu quy mô lớn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối ưu hóa và hoàn thiện được quy trình xử lý, tách chiết, thu hồi than, sắt và nguyên liệu silica từ tro bay của 7 nhà máy nhiệt điện than khu vực phía Bắc (Đông Triều, Cẩm Phả I &amp; II, Mông Dương I, Na Dương I, Cao Ngạn, Sơn Động).</li> <li>- Tách chiết, thu hồi và sản xuất thử nghiệm than, sắt, nguyên liệu silica quy mô phòng thí nghiệm.</li> <li>- Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế và khả năng chuyên giao, sản xuất quy mô lớn tại Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế và khả năng sản xuất than, sắt và nguyên liệu silica quy mô lớn tại Việt Nam.</li> <li>- Bộ báo cáo quy trình xử lý, tách chiết, thu hồi than, sắt và nguyên liệu silica từ tro bay của nhà máy nhiệt điện tại Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b> Sản phẩm sở hữu trí tuệ: 02 độc quyền sáng chế</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
43.	<p>Đánh giá đặc điểm phân bố không gian, rủi ro sinh thái và rủi ro sức khỏe của các nguyên tố có khả năng gây độc trong lớp đất mặt của hai vườn nho có địa hình đối lập</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được thực trạng sản xuất và nguy cơ ô nhiễm môi trường ở hai khu vực trồng nho nghiên cứu.</li> <li>- Đánh giá được mối liên hệ giữa phương pháp canh tác, địa hình và tính chất đất đai với phân bố không gian và đặc tính làm giàu của các nguyên tố có khả năng gây độc (Zn, Pb, Ni, Cr, Cu,</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bản đồ chuyên đề cho hai vườn nho nghiên cứu</li> <li>- Bộ số liệu về một số đặc tính cơ bản của đất trồng nho của hai vườn nho nghiên cứu.</li> <li>- Bộ số liệu về hàm lượng của các nguyên tố có khả năng gây độc trong lớp đất mặt (tầng 0-20 cm) của hai vườn nho nghiên cứu.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<p>Mn, Fe, Al) ở lớp đất mặt của hai vườn nho nghiên cứu.</p> <p>- Đánh giá được rủi ro sinh thái và rủi ro cho sức khỏe người trồng nho và dân cư ở khu vực gần với vùng trồng nho gây ra bởi các nguyên tố có khả năng gây độc (Zn, Pb, Ni, Cr, Cu, Mn, Fe, Al) trong lớp đất mặt của hai vườn nho nghiên cứu.</p> <p>- Ứng dụng GIS và thuật toán nội suy để xây dựng các bản đồ chuyên đề về phân bố không gian của các nguyên tố có khả năng gây độc (Zn, Pb, Ni, Cr, Cu, Mn, Fe, Al) và bản đồ chuyên đề dự báo rủi ro sinh thái và rủi ro sức khỏe.</p>	<p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
<b>VII. Hội đồng khoa học và công nghệ Vật liệu và Năng lượng</b>			
44.	Nghiên cứu chế tạo các chuỗi alpha-oligothiophene ứng dụng làm vật liệu sản xuất pin quang điện	<p>- Tổng hợp được các hợp chất phenyl(3,4,5-triphenylthiophen-2-yl) methanone làm nguyên liệu chế tạo chuỗi oligothiophen.</p> <p>- Tổng hợp được một số chuỗi oligome của thiophene dạng A-D hoặc A-D-A;</p> <p>- Xác định được cấu trúc lập thể, các đặc trưng hóa lý của các chuỗi oligome</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Mẫu oligome của thiophene dạng A-D hoặc A-D-A độ tinh khiết 95 – 98% : 10 mẫu, 100-150 mg/mẫu</p> <p>- Bộ dữ liệu tính chất hóa lý của 5 hợp chất tổng hợp được : 01 bộ (5 mẫu)</p> <p>- Bộ dữ liệu phổ IR, <sup>1</sup>H-NMR, <sup>13</sup>C-NMR của 10 hợp chất tổng hợp được : 01 bộ (10 mẫu)</p>



STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		tổng hợp được, và đánh giá khả năng chế tạo pin quang điện của các oligothiophene.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình chế tạo hợp chất phenyl (3,4,5-triphenylthiophen-2-yl)methanone : độ tinh khiết 95 – 98 % với sự lặp lại cao.</li> <li>- Quy trình chế tạo chuỗi oligome của thiophene dạng A-D và A-D-A độ tinh khiết 95 – 98% với sự lặp lại cao.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI) : 01 (tối thiểu Q2)</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) : 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng) : 01</p>
45.	Nghiên cứu chế tạo cảm biến phát hiện ADN trong dung dịch sử dụng dây nano SnO <sub>2</sub>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được quy trình chế tạo vi điện cực Au trên đế silic sử dụng công nghệ vi cơ điện tử MEMS và các thiết bị trong phòng sạch.</li> <li>- Xây dựng được quy trình chế tạo dây nano SnO<sub>2</sub> và điều khiển các cấu trúc dây nano khác nhau trên bề mặt vi điện cực sử dụng xúc tác là hạt nano Au và màng mỏng nano Au.</li> <li>- Xây dựng được quy trình chức năng hóa bề mặt dây nano SnO<sub>2</sub> bằng các nhóm chức amino (NH<sub>2</sub>) để gắn kết ADN dò lên bề mặt cảm biến.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 quy trình chế tạo cảm biến phát hiện ADN trong dung dịch sử dụng dây nano SnO<sub>2</sub>:</li> <li>+ Quy trình chế tạo vi điện cực Au trên đế silic sử dụng công nghệ vi cơ điện tử MEMS và các thiết bị trong phòng sạch.</li> <li>+ Quy trình chế tạo dây nano SnO<sub>2</sub> và điều khiển các cấu trúc dây nano khác nhau trên bề mặt vi điện cực sử dụng xúc tác là hạt nano Au và màng mỏng nano Au.</li> <li>+ Quy trình chức năng hóa bề mặt dây nano bằng các nhóm chức amino (NH<sub>2</sub>) và gắn kết ADN dò lên bề mặt cảm biến.</li> <li>+ Quy trình chế tạo vi kênh và vi bình phản ứng bằng vật liệu PDMS phù hợp cho phân tích ADN trong dung dịch.</li> <li>- 01 cảm biến phát hiện ADN trong dung dịch sử dụng dây nano SnO<sub>2</sub>:</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy trình chế tạo vi kênh và vi bình phản ứng bằng vật liệu PDMS phù hợp cho phân tích ADN trong dung dịch.</li> <li>- Đánh giá được khả năng phát hiện ADN trong dung dịch của cảm biến đã chế tạo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bao gồm vi điện cực Au trên đế Si với độ dày của lớp nano vàng từ 100 – 300 nm; dây oxide SnO<sub>2</sub> có kích thước 10 – 100 nm; kênh vi lưu bằng vật liệu PDMS với kích thước ba chiều dài x rộng x sâu trong khoảng 10 – 50 mm x 200 – 500 μm x 200 – 500 μm.</li> <li>+ Điện thế làm việc: -2,5 – 2,5 V.</li> <li>+ Thể tích mẫu yêu cầu trong khoảng 0,5 – 5 mL.</li> <li>- 01 quy trình phát hiện ADN bằng cảm biến sử dụng dây nano SnO<sub>2</sub>:</li> <li>+ Giới hạn phát hiện cỡ 10<sup>-12</sup> M</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 (tối thiểu Q2)</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> </ul>
46.	Nghiên cứu ứng xử cơ học và tối ưu hóa các kết cấu composite phân lớp được tích hợp các vật liệu thông minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu ổn định tĩnh phi tuyến của các kết cấu tấm/panel/vỏ composite phân lớp được tích hợp các vật liệu thông minh chịu các tải trọng cơ, nhiệt và cơ – nhiệt kết hợp. Xác định các đường cong tải trọng – độ võng cũng như giá trị tải trọng tới hạn của các kết cấu composite.</li> <li>- Nghiên cứu dao động và các đáp ứng động lực phi tuyến của các kết cấu tấm/panel/vỏ composite phân lớp được</li> </ul>	<p><b>1. Sản phẩm KHCN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình tính toán các kết cấu composite phân lớp được tích hợp các vật liệu thông minh.</li> <li>- Giá trị tải trọng tới hạn, tần số dao động tự do, các đường cong tải trọng – độ võng, độ võng – thời gian, biên độ – tần số của các kết cấu làm từ vật liệu composite phân lớp.</li> <li>- Giá trị tối ưu của các tham số hình học và vật liệu của các kết cấu kết cấu làm từ vật liệu composite phân lớp được tích hợp các vật liệu thông minh có khả năng chịu được tải trọng tốt nhất hoặc tần số tự do cao nhất.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<p>tích hợp các vật liệu thông minh chịu các tải trọng cơ, nhiệt và cơ – nhiệt kết hợp. Các nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định các tần số dao động tự do, đường cong đáp ứng độ võng – thời gian, mối quan hệ biên độ – tần số và tải trọng động tới hạn. Xác định ảnh hưởng của các tham số vật liệu, tham số hình học, tính không hoàn hảo hình dáng, gia số nhiệt độ, các tải trọng và điều kiện biên lên đáp ứng động học và dao động của các kết cấu composite phân lớp nói trên.</p> <p>- Tối ưu hóa vật liệu và hình học của kết cấu composite phân lớp nói trên dựa vào các thuật toán tối ưu hóa. Kết quả cho ra giá trị các tham số hình học và vật liệu của kết cấu tương ứng với giá trị cực đại của tần số dao động tự do và tải trọng tới hạn của kết cấu.</p>	<p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE) : 02 bài (<i>Q2 trở lên</i>)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh : 01</p>
47.	Nghiên cứu tổng hợp và xác nhận giá trị sử dụng của các vật liệu silica gel biến tính, ứng dụng làm chất hấp phụ trong kỹ thuật	- Tổng hợp và lựa chọn được loại chất hấp phụ silica gel và silica gel biến tính phù hợp cho phân tích lượng vết PAHs trong mẫu chất thải và mẫu môi trường.	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Sản phẩm mẫu mẫu cột chiết pha rắn (SPE) sử dụng các chất hấp phụ silica gel và silica gel biến tính: 06 sản phẩm mẫu với mỗi loại vật liệu: + Thể tích cột tối thiểu 3 cc.</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
	<p>làm sạch dịch chiết mẫu chứa hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và thẩm định được phương pháp phân tích PAHs trong mẫu tro thải (tro bay, tro xỉ) và mẫu môi trường (bụi lắng, đất, trầm tích).</li> <li>- Thu thập và phân tích được hàm lượng PAHs trong các mẫu thực tế tại một số làng nghề tái chế rác thải điện tử và một số khu công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam.</li> <li>- Đánh giá được mức độ ô nhiễm, đặc trưng phân bố và tích lũy, nguồn gốc và rủi ro phơi nhiễm PAHs (bao gồm nguy cơ gây ung thư) tại các khu vực nghiên cứu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng chất hấp phụ tối thiểu 60 mg.</li> <li>- 01 bộ quy trình tổng hợp, chuẩn bị và sử dụng các chất hấp phụ silica gel và silica gel biến tính:</li> <li>+ Các điều kiện tổng hợp, chuẩn bị và sử dụng các chất hấp phụ silica gel và silica gel biến tính.</li> <li>+ Độ thu hồi của PAHs sau khi xử lý với chất hấp phụ đạt từ 60% đến 120%.</li> <li>- 01 bộ quy trình phân tích PAHs trong các nền mẫu tro thải và mẫu môi trường:</li> <li>+ Bao gồm các bước lấy mẫu, xử lý, phân tích và báo cáo kết quả, đảm bảo độ chọn lọc, độ chính xác, khả năng phát hiện ở mức hàm lượng vết và siêu vết.</li> <li>+ Độ thu hồi của PAHs trong quy trình đạt từ 60% đến 120%.</li> <li>- 01 báo cáo kết quả phân tích hàm lượng PAHs và đánh giá phơi nhiễm và rủi ro sức khỏe liên quan đến PAHs:</li> <li>+ Kết quả phân tích hàm lượng PAHs trong các mẫu tro thải và mẫu môi trường tại các khu vực nghiên cứu, kết quả phân tích đã được xử lý thống kê, kèm theo các thông số QA/QC.</li> <li>+ Phân tích số liệu về hàm lượng PAHs dựa trên các phương pháp thống kê chuyên dụng và kỹ thuật xử lý số liệu đặc thù, cung cấp thông tin về mức độ ô nhiễm, xu hướng phân bố, đặc trưng tích lũy, nguồn gốc.</li> <li>+ Đánh giá phơi nhiễm và rủi ro sức khỏe liên quan đến PAHs bao gồm nguyên tắc xây dựng phương pháp đánh giá phơi nhiễm, các bước tiến</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<p>hành, kết quả đánh giá liều lượng hấp thụ hàng ngày, hệ số rủi ro ung thư và các bệnh khác, đánh giá mức độ rủi ro.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 (tối thiểu Q2)</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN/tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
48.	<p>Chế tạo và nghiên cứu vật liệu perovskite thường và perovskite lai hóa ứng dụng trong thiết bị làm lạnh từ nhằm nâng cao công suất làm lạnh tương đối và mở rộng dải nhiệt độ hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế tạo thành công một số vật liệu cấu trúc perovskite thường và perovskite lai hóa.</li> <li>- Đưa ra các giải pháp để mở rộng dải nhiệt độ hoạt động (<math>\Delta T</math>) và tăng công suất làm lạnh tương đối (<math>RCP</math>) của vật liệu trong ứng dụng từ nhiệt.</li> <li>- Thiết lập mối liên hệ giữa <math>\Delta T</math> và <math>RCP</math> đối với đặc trưng của chuyển pha từ, và đánh giá vai trò của ứng suất mạng, từ trường, hay áp suất đặt vào.</li> <li>- Tìm hiểu sự khác biệt về trật tự từ và hiệu ứng từ nhiệt giữa hai hệ vật liệu perovskite thường và perovskite lai hóa.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 mẫu vật liệu từ nhiệt trên các nền perovskite thường và perovskite lai hóa (dạng bột hoặc viên) đơn pha tinh thể, kèm theo các thông tin về nhiệt độ chuyển pha (<math>T_C</math>), <math>\Delta T</math> và <math>RCP</math>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <math>T_C</math> thay đổi trong khoảng từ 15 đến <math>\sim 300</math> K,</li> <li>+ Dải nhiệt độ hoạt động : <math>\Delta T &gt; 15</math> K,</li> <li>+ Công suất làm lạnh tương đối: <math>RCP &gt; 90</math> J/kg.</li> </ul> </li> <li>- Quy trình công nghệ chế tạo vật liệu perovskite thường và perovskite lai hóa điển hình : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sơ đồ khối mô tả quy trình</li> <li>+ Trang thiết bị sử dụng</li> <li>+ Các điều kiện chế tạo, như nhiệt độ, áp suất, thời gian...</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (01 bài Q1, 01 bài Q2)</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
49.	<p>Nghiên cứu chế tạo vật liệu phản sắt điện cấu trúc perovskite lai vô cơ – hữu cơ <math>AMX_3</math> và <math>A_2MX_4</math> (<math>A = C_6H_5C_2H_4NH_3</math>, <math>C_6H_5N(CH_3)_3, \dots</math>; <math>M = Cu^{2+}</math>, <math>Sn^{2+}</math>, <math>Ni^{2+}, \dots</math> và <math>X = Cl^-, Br^-, I^-</math>) ứng dụng trong tích trữ điện năng</p>	<p>- Xây dựng quy trình công nghệ và chế tạo thành công một số mẫu vật liệu cấu trúc perovskite lai vô cơ – hữu cơ có công thức <math>AMX_3</math> và <math>A_2MX_4</math> trong đó A là chuỗi hữu cơ như <math>C_6H_5C_2H_4NH_3</math>, <math>C_6H_5N(CH_3)_3, \dots</math>; M là kim loại chuyển tiếp như Mn, Cd, Ni, Co, ... và X là các halogen Cl, Br hoặc I.</p> <p>- Kết hợp nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu tính toán mô phỏng các tính chất quang học, tính chất điện, cấu trúc, vi cấu trúc... từ đó tối ưu vật liệu và quy trình công nghệ chế tạo.</p> <p>- Tính toán được hiệu suất tích trữ năng lượng và khảo sát khả năng ứng dụng của vật liệu trong lĩnh vực tích trữ điện năng</p>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học:</b></p> <p>- Mẫu tinh thể phản sắt điện cấu trúc perovskite lai vô cơ – hữu cơ: 05 mẫu</p> <p>+ Kích thước <math>\geq 0.5 \times 0.5</math> cm, độ dày 200 <math>\mu m</math></p> <p>+ Hiệu suất tích trữ năng lượng <math>\geq 50\%</math></p> <p>- Quy trình chế tạo vật liệu tinh thể cấu trúc perovskite lai vô cơ – hữu cơ :</p> <p>+ Tỷ lệ dung môi trong dung dịch tiền chất từ 0 – 75%</p> <p>+ Tỷ lệ thay thế các thành phần vô cơ/hữu cơ từ 0 – 1.0</p> <p>+ Nhiệt độ điều chế dung dịch tiền chất từ 25 – 75 °C</p> <p>+ Thời gian nuôi tinh thể từ 1 – 100 giờ</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (Q1/Q2)</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
50.	<p>Nghiên cứu chế tạo màng mỏng cấu trúc vi sợi tổ hợp bằng công nghệ Electrospinning làm lớp chức năng trong máy phát điện nano ứng dụng cho các linh kiện điện tử tự cung cấp điện năng dựa trên chuyển động của cơ thể.</p>	<p>- Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số hệ Electrospinning và tính chất của dung dịch nguồn tới sự hình thành Taylor-cone jet mode và Multi-jet mode tại đầu phun, qua đó khảo sát và chế tạo màng mỏng có cấu trúc vi sợi dựa trên vật liệu polymer (như PI, PVA, PVDF, PET) bằng công nghệ Electrospinning.</p> <p>- Nghiên cứu ảnh hưởng các thông số hệ Electrospinning, tính chất của dung dịch tổ hợp (polymer/ vật liệu nano), cũng như điều kiện môi trường thí nghiệm tới sự hình thành Electropray mode, qua đó khảo sát và chế tạo màng mỏng đa cấu trúc : màng đồng nhất, màng vi sợi tổ hợp (ví dụ PVDF/Graphene, PVDF/AgNWs).</p> <p>- Chế tạo thành công màng mỏng có cấu trúc tổ hợp (sợi nền micro/nano tích hợp vật liệu 1D, 2D) làm lớp tiếp xúc ma sát trong cấu trúc máy phát điện nano và nghiên cứu các thuộc tính vật liệu.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp tiếp xúc màng mỏng cấu trúc sợi micro/nano tổ hợp trên nền polymer/vật liệu nano chế tạo bằng công nghệ Electrospinning với đặc tính cơ học, vật lý phù hợp: 10 mẫu</li> <li>+ Kích thước <math>\geq 0.5 \times 0.5</math> cm</li> <li>+ Độ dày màng : <math>&lt; 200 \mu\text{m}</math></li> <li>+ Đường kính sợi : từ 10 nm đến 500 nm</li> <li>- Lớp điện cực uốn dẻo cấu trúc sợi micro/nano tổ hợp trên nền polymer/vật liệu nano được chế tạo bằng công nghệ Electrospinning/Electrospray với cấu trúc và tính chất dẫn điện phù hợp: 10 mẫu</li> <li>+ Kích thước <math>\geq 0.5 \times 0.5</math> cm</li> <li>+ Độ dày màng <math>&lt; 500 \mu\text{m}</math></li> <li>+ Điện trở bề mặt <math>&lt; 1000 \Omega \text{sq}^{-1}</math></li> <li>- Thử nghiệm máy phát điện năng uốn dẻo ma sát dựa trên chuyển động của cơ thể: 01</li> <li>+ Kích thước thiết bị : <math>\sim 5 \times 5</math> cm</li> <li>+ Hiệu điện thế hở mạch <math>V_{oc}</math> đạt 3 V</li> <li>+ Mật độ dòng điện <math>J_{sc}</math> đạt <math>0.1 \mu\text{A cm}^{-2}</math></li> <li>- Báo cáo thử nghiệm ứng dụng của máy phát điện ma sát nano trong điều kiện thực tế: 01</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI) : 01 (Tối thiểu Q2)</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế tạo thành công màng mỏng có cấu trúc tổ hợp (sợi nền micro/nano tích hợp vật liệu 1D, 2D, ví dụ PEDOT :PSS) đóng vai trò làm lớp điện cực trong cấu trúc máy phát điện ma sát nano.</li> <li>- Thử nghiệm chế tạo máy phát điện uốn dẻo ma sát nano dựa trên sự chuyển động của cơ thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus : 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
51.	<p>Nghiên cứu chế tạo vật liệu xúc tác quang dị thể lai ghép dạng Z LaMeO<sub>3</sub>/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me : Fe, Co, Ni, Cu, Zn) ứng dụng để xử lý chất hữu cơ độc hại trong môi trường nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp được vật liệu LaMeO<sub>3</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn) dạng xốp, năng lượng vùng cấm hẹp, có khả năng hấp thụ ánh sáng khả kiến.</li> <li>- Thiết lập được các hệ vật liệu xúc tác quang có cấu trúc dị thể lai ghép dạng Z LaMeO<sub>3</sub>/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn) có hoạt tính xúc tác trong vùng ánh sáng khả kiến, đồng thời giảm được tốc độ tái tổ hợp của các electron và lỗ trống so với các vật liệu đơn lẻ.</li> <li>- Thử nghiệm được khả năng quang phân hủy các chất ô nhiễm hữu cơ (kháng sinh và phẩm nhuộm) trong môi trường của các vật liệu lai ghép</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm mẫu của các vật liệu LaMeO<sub>3</sub> và vật liệu xúc tác quang cấu trúc dị thể lai ghép dạng Z LaMeO<sub>3</sub>/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn): 20 gam mỗi vật liệu</li> <li>+ Vật liệu LaMeO<sub>3</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn) dạng xốp, năng lượng vùng cấm hẹp, có khả năng hấp thụ ánh sáng khả kiến.</li> <li>+ Vật liệu xúc tác quang có cấu trúc dị thể lai ghép dạng Z LaMeO<sub>3</sub>/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn) có hoạt tính xúc tác trong vùng ánh sáng khả kiến, đồng thời giảm được tốc độ tái tổ hợp của các electron và lỗ trống so với các vật liệu đơn lẻ.</li> <li>- 01 quy trình tổng hợp các vật liệu LaMeO<sub>3</sub> và vật liệu xúc tác quang cấu trúc dị thể lai ghép dạng Z LaMeO<sub>3</sub>/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn):</li> <li>+ Quy trình tổng hợp vật liệu LaMeO<sub>3</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn) dạng xốp.</li> </ul>



STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		liên hợp dạng Z LaMeO <sub>3</sub> /g-C <sub>3</sub> N <sub>4</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn).	<p>+ Quy trình tổng hợp vật liệu xúc tác quang cấu trúc dị thể lai ghép dạng Z LaMeO<sub>3</sub>/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn).</p> <p>- 01 báo cáo phân tích đặc trưng tính chất và đánh giá hoạt tính quang xúc tác của vật liệu xúc tác quang cấu trúc dị thể lai ghép dạng Z LaMeO<sub>3</sub>/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me: Fe, Co, Ni, Cu, Zn).</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 (tối thiểu Q2)</p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</p> <p>- Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN/tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế: 01</p> <p>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 01 giải pháp hữu ích</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
52.	Sự ổn định của trục trong ổ đỡ thủy động có tính đến ảnh hưởng của nhiệt độ lớp màng dầu bôi trơn.	<p>- Tính toán được phân bố nhiệt độ và áp suất dầu cho ổ đỡ thủy động.</p> <p>- Tiến hành thực nghiệm đo nhiệt độ và áp suất của lớp màng dầu trong ổ.</p> <p>- Khảo sát ổn định của chuyển động của trục trong ổ đỡ có xét đến ảnh hưởng của nhiệt độ dầu bôi trơn.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Bộ số liệu về nhiệt độ, áp suất của dầu bôi trơn.</p> <p>- Quy trình đo nhiệt độ dầu bôi trơn trong ổ đỡ thủy động.</p> <p>- Báo cáo phân tích về số liệu thực nghiệm.</p> <p>- Bản vẽ thiết kế lắp đặt hệ thống các cảm biến áp suất, nhiệt độ.</p> <p>- Quy trình đo áp suất dầu bôi trơn trong ổ đỡ thủy động.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE): 01 bài (Q2 trở lên).</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01 bài.</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
53.	Nghiên cứu thiết kế cánh lai tích hợp tấm xóp và tấm cong đầu cánh ứng dụng cho máy bay không người lái	<p>- Phát triển được thiết kế cơ cấu cánh lai tích hợp tấm xóp và tấm cong đầu cánh khử lực cản cảm ứng cho máy bay không người lái.</p> <p>- Phát triển được bộ giải/mô phỏng dòng lưu chất không nén qua vật thể xóp/rắn 2D và 3D.</p> <p>- Tối ưu được các thông số độ xóp vật liệu và các thông số hình học của tấm cong đầu cánh sử dụng mô phỏng dòng lưu chất rời qua vật thể biên dạng phức tạp với độ xóp thay đổi sử dụng phương pháp tính toán song song.</p> <p>- Đánh giá được hiệu quả hoạt động của máy bay không người lái trong nhiều điều kiện bay phức tạp khác nhau dưới ảnh hưởng của nhiều thông số thiết kế.</p>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học:</b></p> <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu tổng quan về mô phỏng và thí nghiệm cho các thiết kế khác nhau của tấm chắn đầu cánh.</p> <p>- Báo cáo kết quả kiểm định bộ giải dòng không nén được qua vật thể hai chiều (2D) xóp cơ bản (trụ tròn, bán nguyệt, elip, và vuông).</p> <p>- Báo cáo kết quả kiểm định dòng không nén được qua vật thể ba chiều (3D) xóp cơ bản và qua cánh lai tấm xóp và tấm cong đầu cánh.</p> <p>- Báo cáo kết quả ảnh hưởng của độ xóp lên việc giảm lực cản cảm ứng của cánh máy bay trong các chế độ bay bằng, bay lầy độ cao, và hạ cánh.</p> <p>- Báo cáo kết quả tối ưu của các thông số hình học (góc xoắn, góc quét, góc côn) của tấm cong đầu cánh lên việc khử dòng chảy dọc trục của máy bay.</p> <p>- Báo cáo kết quả tối ưu các thông số độ xóp và thông số hình học của tấm cong bề mặt lên việc triệt tiêu lực cản cảm ứng và tăng tỷ lệ chất lượng khí động của máy bay.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE): 02 bài (Q2 trở lên).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
54.	Nghiên cứu chế tạo pin Li-ion giá thành thấp và dung lượng cao từ vật liệu LiFePO <sub>4</sub>	Hoàn thiện quy trình tổng hợp vật liệu cathode LFP và chế tạo pin cúc áo (CR2032) trên cơ sở của vật liệu LFP đã tổng hợp được.	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình tổng hợp vật liệu Cathode LFP với điều kiện LiFePO<sub>4</sub> có độ tinh khiết &gt;95%.</li> <li>- Quy trình đóng gói pin dạng cúc áo (coin cell) với điều kiện pin có E(OCP) &gt; 3,2V và dung lượng &gt;140 mAh/g.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 (tối thiểu Q2)</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN/tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế: 01</li> <li>- Sản phẩm sở hữu trí tuệ: 01 giải pháp hữu ích</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p> <p><b>4. Sản phẩm khác:</b> 20 viên Pin dạng cúc áo LFP: CR2032, E(OCP) &gt; 3,2 V; Dung lượng &gt;140 mAh/g</p>
55.	Nghiên cứu và chế tạo một số vật liệu nền Barium Hexaferrite loại Z (Ba <sub>3</sub> Co <sub>2</sub> Fe <sub>24</sub> O <sub>41</sub> ) có tính chất hấp thụ và che chắn sóng điện từ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế tạo và nghiên cứu thành công các vật liệu Ba<sub>3-x</sub>Re<sub>x</sub>Co<sub>2</sub>Fe<sub>24</sub>O<sub>41</sub> (Re = La, Pr, Sm, Y,...) và Ba<sub>3</sub>Co<sub>2-x</sub>Me<sub>x</sub>Fe<sub>24</sub>O<sub>41</sub> (Me = Zn, Mn, Ti,...).</li> <li>- Nghiên cứu hiện tượng hấp thụ và che chắn sóng điện từ (EMWs) trong</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ vật liệu hấp thụ EMWs trên nền BaCo<sub>2</sub>Z: 02</li> <li>+ Ép viên thành hình trụ tròn rỗng (D = 7.00 mm, d = 3.04 mm)</li> <li>+ Vật liệu đơn pha chất lượng cao</li> <li>+ Chất trộn kết dính epoxy</li> <li>+ Độ tổn hao phản xạ RL đạt từ -30 dB đến -40 dB</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		<p>các vật liệu nghiên cứu, điều chỉnh và mở rộng vùng hấp thụ về vùng tần số có nhiều ứng dụng thực tế như vùng X (8–12 GHz).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu thành công hiện tượng hấp thụ EMWs của các vật liệu nghiên cứu dưới sự thay đổi của góc sóng tới.</li> <li>- Tìm kiếm và phát triển những vật liệu mới (hấp thụ đồng thời nhiều cơ chế) cho khả năng hấp thụ mạnh EMWs với giá trị độ tổn hao phản xạ RL đạt từ –30 dB đến –40 dB, hiệu suất hấp thụ từ 99,9% đến 99,99% công suất EMWs tại đỉnh cộng hưởng.</li> <li>- Phát triển nhóm nghiên cứu về lĩnh vực Vật liệu, linh kiện micro-nano và năng lượng, công bố bài báo khoa học ISI có chất lượng, góp phần đào tạo nhân lực Sau Đại học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hiệu suất hấp thụ từ 99,9% đến 99,99%</li> <li>- Quy trình chế tạo một số vật liệu hấp thụ EMWs trên nền vật liệu nền BaCo<sub>2</sub>Z (các bước để tổng hợp được vật liệu đơn pha chất lượng cao).</li> <li>- Báo cáo ảnh hưởng của pha tạp vào vị trí của Ba và Co lên tính chất hấp thụ EMWs của vật liệu nền BaCo<sub>2</sub>Z: 01</li> <li>- Báo cáo khả năng hấp thụ EMWs dưới ảnh hưởng của sự thay đổi góc tới của sóng: 01</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (01 Q1 và 01 Q2)</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
<b>VIII. Hội đồng khoa học Sức khỏe</b>			
56.	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi lồng ngực trong điều trị u cơ trơn thực quản lành tính tại	- Mô tả được các đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng phục vụ chỉ định kỹ thuật nội soi lồng ngực điều trị u cơ trơn thực quản lành tính.	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của Bệnh nhân u cơ trơn thực quản lành tính được chỉ định điều trị bằng kỹ thuật nội soi lồng ngực tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức giai đoạn 2010-2024.</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
	Bệnh viện hữu nghị Việt Đức giai đoạn 2010 - 2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được kết quả phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị u cơ trơn thực quản lành tính tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức giai đoạn 2010 – 2024.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả điều trị bằng kỹ thuật nội soi lồng ngực ở bệnh nhân u cơ trơn thực quản lành tính tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức nhằm xác định các yếu tố trước và sau phẫu thuật đến hiệu quả điều trị.</li> <li>- Bản mô tả và hướng dẫn thực hành Quy trình kỹ thuật nội soi lồng ngực điều trị u cơ trơn thực quản lành tính.</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố:</b></li> <li>- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (SCIE/Scopus, từ Q3 trở lên) hoặc 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (Độc quyền giải pháp hữu ích).</li> <li>- 01 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị khoa học cấp quốc gia (có phản biện) hoặc 01 quy trình kỹ thuật được chuyển giao (dạng Hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị thực hành/tuyển cơ sở).</li> <li><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></li> <li>Đào tạo 01 thạc sĩ (được cấp bằng) hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</li> </ul>
57.	Xây dựng và đánh giá mô hình dự báo chảy máu chuyển dạng sau điều trị tái tưới máu ở bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não do tắc động mạch lớn tuần hoàn trước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các yếu tố nguy cơ nhằm xây dựng mô hình dự báo chảy máu chuyển dạng sau điều trị tái tưới máu ở bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não cấp do tắc mạch lớn tuần hoàn não trước.</li> <li>- Bước đầu đánh giá được kết quả áp dụng mô hình trong điều trị bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não do tắc động mạch lớn tuần hoàn trước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Kết quả khoa học:</b></li> <li>- Báo cáo số liệu về bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não cấp do tắc mạch lớn tuần hoàn não trước được điều trị tái tưới máu ở Trung tâm Đột quỵ, Bệnh viện Bạch Mai.</li> <li>- Báo cáo dữ liệu về tỉ lệ chảy máu chuyển dạng và phân tích mối liên quan với các yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não cấp do tắc mạch lớn tuần hoàn não trước.</li> <li>- Sơ đồ tóm tắt mô hình và bản hướng dẫn thực hành chỉ định và điều trị tái tưới máu ở bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não do tắc động mạch lớn tuần hoàn trước.</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<p>- Báo cáo đánh giá bước đầu áp dụng mô hình trong điều trị bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não do tắc động mạch lớn tuần hoàn trước.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (SCIE/Scopus, từ Q3 trở lên) hoặc 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (Độc quyền giải pháp hữu ích):</p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị khoa học cấp quốc gia (có phản biện) hoặc 01 quy trình kỹ thuật được chuyển giao (dạng Hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị thực hành).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Đào tạo 01 thạc sĩ (được cấp bằng) hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>
58.	Sàng lọc một số tinh dầu từ thảo mộc Việt Nam có tác dụng giải lo âu bằng kết hợp phương pháp thử nghiệm in-vitro và sàng lọc in-silico	<p>- Sàng lọc được 3 – 5 chế phẩm tinh dầu từ 20 – 30 chế phẩm tinh dầu thảo mộc Việt Nam có tác dụng giải lo âu và chống trầm cảm qua mô hình thực nghiệm in-vitro.</p> <p>- Phân tích được cơ chế tác dụng dược lý của tinh dầu đã sàng lọc in-vitro trên mô hình in silico (dược lý mạng và QSAR).</p>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học:</b></p> <p>- Báo cáo giám định 20 – 30 mẫu thảo mộc Việt Nam được lựa chọn cho nghiên cứu.</p> <p>- Quy trình chiết xuất tinh dầu được tiêu chuẩn hóa từ thảo mộc và chuẩn bị chế phẩm phục vụ nghiên cứu được lý in-vitro.</p> <p>- Bản mô tả nguyên lý và quy trình kỹ thuật sử dụng mô hình in-vitro phục vụ nghiên cứu tác dụng giải lo âu và chống trầm cảm.</p> <p>- Báo cáo sàng lọc 3 – 5 chế phẩm có tác dụng giải lo âu và chống trầm cảm trên mô hình in-vitro từ 20 – 30 chế phẩm được thử nghiệm.</p> <p>- Báo cáo phân tích cơ chế tác dụng dược lý của 3 – 5 tinh dầu đã sàng lọc invitro trên mô hình in-silico (dược lý mạng và QSAR).</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (SCIE/Scopus, từ Q3 trở lên) hoặc 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (Độc quyền giải pháp hữu ích).</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<p>- 01 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị khoa học cấp quốc gia (có phản biện) hoặc 01 quy trình kỹ thuật được chuyển giao (dạng Hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị thực hành).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Đào tạo 01 thạc sĩ (được cấp bằng) hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>
59.	Nghiên cứu thực trạng bệnh răng miệng và hiệu quả can thiệp ở sinh viên ĐHQGHN qua ứng dụng trên điện thoại thông minh	<p>- Mô tả được thực trạng các bệnh răng miệng của sinh viên ĐHQGHN nhập học trong các năm 2023 – 2025.</p> <p>- Phân tích được một số yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe răng miệng nhằm xây dựng được mô hình số hóa dữ liệu nha khoa, tư vấn và can thiệp điều trị bệnh hoặc tăng cường sức khỏe răng miệng qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Báo cáo số liệu về thực trạng các bệnh răng miệng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe răng miệng của sinh viên ĐHQGHN nhập học trong các năm 2023 – 2025.</p> <p>- Báo cáo phân tích các yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe răng miệng của sinh viên.</p> <p>- Mô hình số hóa dữ liệu nha khoa, tư vấn và can thiệp điều trị bệnh hoặc tăng cường sức khỏe răng miệng qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.</p> <p>- Báo cáo thử nghiệm triển khai mô hình tại ĐHQGHN.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (SCIE/Scopus, từ Q3 trở lên) hoặc 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (Độc quyền giải pháp hữu ích).</p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị khoa học cấp quốc gia (có phản biện) hoặc 01 sản phẩm chuyên giao (dạng báo cáo tư vấn chính sách hoặc tài liệu tập huấn/ chuyển giao).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Đào tạo 01 thạc sĩ (được cấp bằng) hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
60.	Xây dựng và đánh giá hiệu quả mô hình 40/60/PAM để kiểm soát hiệu quả bệnh lao và một số bệnh đường hô hấp tại Hà Nội và Vĩnh Phúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và triển khai được mô hình can thiệp y tế mới gồm dịch vụ y tế và trao quyền cộng đồng nhằm tăng cường phát hiện, quản lý điều trị bệnh lao và một số bệnh đường hô hấp từ tuyến y tế cơ sở.</li> <li>- Đánh giá được hiệu quả áp dụng mô hình tại Hà Nội và Vĩnh phúc nhằm đề xuất mở rộng phục vụ phòng chống bệnh lao và các bệnh đường hô hấp trên phạm vi toàn quốc.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số liệu về tình hình phát hiện, quản lý điều trị bệnh lao và các bệnh đường hô hấp ở Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo về các phương pháp tiếp cận để xây dựng mô hình.</li> <li>- Sơ đồ tóm tắt mô hình và bản hướng dẫn triển khai cho các tuyến (từ tuyến cơ sở).</li> <li>- Báo cáo thử nghiệm và đánh giá triển khai mô hình tại Hà Nội và Vĩnh Phúc.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (SCIE/Scopus, từ Q3 trở lên) hoặc 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (Độc quyền giải pháp hữu ích).</li> <li>- 01 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị khoa học cấp quốc gia (có phản biện) hoặc 01 sản phẩm chuyên giao (dạng báo cáo tư vấn chính sách hoặc tài liệu tập huấn/ chuyên giao).</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Đào tạo 01 thạc sĩ (được cấp bằng) hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>
61.	Ứng dụng kỹ thuật vi phẫu trong chuyển vật cơ tự do điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân tổn thương đám rối thần kinh cánh tay phục vụ phát hiện và chẩn đoán sớm.</li> <li>- Đánh giá được kết quả điều trị bằng vi phẫu trong chuyển vật cơ tự do điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay so với phương pháp cổ điển.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng quan về chỉ định và kết quả điều trị bằng vi phẫu trong chuyển vật cơ tự do điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay trên thế giới và ở Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh nhân tổn thương đám rối thần kinh cánh tay tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức.</li> </ul>



STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả điều trị bằng vi phẫu trong chuyển vạt cơ tự do điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức.</li> <li>- Sơ đồ tóm tắt quy trình kỹ thuật và bản hướng dẫn thực hiện kỹ thuật vi phẫu trong chuyển vạt cơ tự do điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (SCIE/Scopus, từ Q3 trở lên) hoặc 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (Độc quyền giải pháp hữu ích).</li> <li>- 01 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị khoa học cấp quốc gia (có phản biện) hoặc 01 quy trình kỹ thuật được chuyển giao (dạng Hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị thực hành).</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Đào tạo 01 thạc sĩ (được cấp bằng) hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>
62.	Đánh giá kết quả ghép thận từ người cho chết não tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức giai đoạn 2010 – 2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của Bệnh nhân suy thận mạn nhận thận ghép từ người cho chết não.</li> <li>- Đánh giá được kết quả của mô hình lấy tạng và chất lượng thận ghép tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức.</li> <li>- Đánh giá được kết quả sớm và xa sau ghép ở bệnh nhân nhận thận được ghép thận tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của Bệnh nhân suy thận mạn được ghép thận từ người cho chết não tại Bệnh viện Việt Đức giai đoạn 2010-2024.</li> <li>- Báo cáo kết quả mô hình lấy tạng và chất lượng thận ghép tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức giai đoạn 2010 – 2024.</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả sớm (ngay sau ghép) và xa sau ghép ở bệnh nhân nhận thận từ người cho chết não tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức nhằm xác định được một số yếu tố trước và sau phẫu thuật liên quan đến kết quả ghép thận.</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
			<p>- Quy trình ghép thận từ người cho chết não (từ khâu lựa chọn, thu nhận, bảo quản thận ghép từ người cho chết não đến ghép thận và điều trị sau phẫu thuật với bệnh nhân suy thận mạn).</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (SCIE/Scopus, từ Q3 trở lên) hoặc 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (Độc quyền giải pháp hữu ích).</p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị khoa học cấp quốc gia (có phản biện) hoặc 01 quy trình kỹ thuật được chuyển giao (dạng Hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị thực hành/tuyển cơ sở).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Đào tạo 01 thạc sĩ (được cấp bằng) hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>
<b>IX. Hội đồng KH&amp;CN Thông tin và Tính toán</b>			
63.	Một vài kỹ thuật nâng cao hiệu năng học máy tự động (AutoML)	<p>- Đề xuất được phương pháp tự động thiết lập tác vụ học máy cho quy trình AutoML.</p> <p>- Nghiên cứu được quy trình AutoML tăng cường sự tham gia của con người chuyên biệt hóa cho các nghiệp vụ không có nền tảng kỹ thuật.</p> <p>- Phát triển được các phương pháp nhằm tăng tốc quá trình tìm kiếm kiến trúc mạng nơron bằng cách giảm dữ</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <p>- Phương pháp tự động thiết lập các tác vụ học máy cho quy trình AutoML.</p> <p>- Quy trình AutoML tăng cường sự tham gia của con người với nghiệp vụ không có nền tảng kỹ thuật.</p> <p>- Phương pháp tăng tốc quá trình tìm kiếm kiến trúc mạng nơron dựa trên việc giảm dữ liệu thử nghiệm và không gian tìm kiếm kiến trúc.</p> <p>- Công cụ hỗ trợ xây dựng mô hình học máy tự động.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		liệu thử nghiệm và không gian tìm kiếm kiến trúc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (ít nhất 01 bài tạp chí Q1/Q2).</li> <li>- Báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01.</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sĩ (được cấp bằng): 02</li> </ul>
64.	Nghiên cứu nâng cao hiệu năng và thực thi phần cứng mạng nơ-ron trên thiết bị biên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất giải pháp tối ưu hóa các khối tính toán và truyền thông trong các bộ tăng tốc mạng nơ-ron trên thiết bị biên.</li> <li>- Phát triển các kiến trúc phần cứng mới để tăng tốc độ tính toán của mạng nơ-ron trên thiết bị biên.</li> <li>- Xây dựng các nền tảng để thử nghiệm các ứng dụng AI mới trên các thiết bị thực tế.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình phần mềm kiến trúc bộ tăng tốc mạng nơ-ron.</li> <li>- Phương pháp kiểm tra và đánh giá bộ tăng tốc mạng nơ-ron.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 bài Q1/Q2; hoặc 01 đăng ký bằng độc quyền sáng chế.</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN/tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế : 02</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
65.	Nghiên cứu thiết kế hệ thống mô phỏng giám sát và đánh giá kỹ năng mổ của bác sĩ cho phẫu thuật nội soi dựa trên các phương pháp học máy nâng cao	Nghiên cứu đánh giá kỹ năng của bác sĩ phẫu thuật nội soi dựa trên các phương pháp học máy nâng cao. Trên cơ sở đó phát triển hệ thống mô phỏng hỗ trợ giám sát và đánh giá kỹ năng mổ của bác sĩ cho phẫu thuật nội soi phục vụ đào tạo.	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b> Phần mềm thử nghiệm mô phỏng giám sát và đánh giá kỹ năng mổ của bác sĩ cho phẫu thuật nội soi dựa trên các phương pháp học máy nâng cao</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 - Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/ báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phần biện): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> - Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
66.	Tính chất nghiệm của một số lớp phương trình đạo hàm riêng phi tuyến	<p>- Sự tồn tại nghiệm của một số lớp phương trình đạo hàm riêng phi tuyến trong vật lý toán trên miền bị chặn hoặc toàn mặt phẳng, xác định trong không gian hàm Sobolev.</p> <p>- Nghiên cứu về sự tác động của các yếu tố vật lý lên các dạng phương trình toán lý.</p> <p>- Một số ước lượng nghiệm trên các không gian hàm cơ bản.</p> <p>- Tìm điều kiện của các tham số vật lý</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b> Định lý về sự tồn tại nghiệm cũng như các tính chất định tính, định lượng của nghiệm cho một số lớp phương trình đạo hàm riêng phi tuyến trong vật lý toán.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố :</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 bài (ít nhất 1 bài từ Q2 trở lên)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b> - Thạc sĩ (được cấp bằng): 01 - Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01</p>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		cũng như điều kiện ban đầu cho sự ổn định/bất ổn định theo thời gian của nghiệm.	
67.	Về đồng điều Margolis của một số môđun trên đại số Steenrod	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán được tường minh đồng điều Margolis của đại số bất biến dưới tác động của nhóm tuyến tính đặc biệt.</li> <li>- Tính toán được tường minh đồng điều Margolis của đối đồng điều của các p-nhóm abel sơ cấp.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng điều Margolis của đại số bất biến dưới tác động của nhóm tuyến tính đặc biệt.</li> <li>- Đồng điều Margolis của đối đồng điều của các nhóm abel sơ cấp.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCIE) và xếp hạng Q1 hoặc Q2 trong danh mục Scimago: 01</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p> <p>Thạc sĩ (được cấp bằng): 01</p>
68.	Nghiên cứu sử dụng dữ liệu hình ảnh kỹ thuật số vào quan trắc dao động kết cấu khi chịu tải trọng động đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sử dụng dữ liệu hình ảnh kỹ thuật số trong phân tích dao động kết cấu dưới tác dụng của tải trọng động đất.</li> <li>- Tạo ra bộ phần mềm chuyển đổi dữ liệu hoặc sơ đồ phân tích và thuật toán nội suy tương ứng, để chuyển đổi dữ liệu hình ảnh kỹ thuật số sang dữ liệu chuyển vị theo thời gian với độ chính</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp sử dụng dữ liệu hình ảnh kỹ thuật số trong phân tích dao động kết cấu dưới tác dụng của tải trọng động đất.</li> <li>- Bộ phần mềm xử lý hoặc sơ đồ phân tích và thuật toán tương ứng trên ngôn ngữ lập trình Matlab.</li> <li>- Báo cáo đánh giá phương pháp đo từ dữ liệu hình ảnh kỹ thuật số.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI, và A&amp;HCI): 02 (tối thiểu 01 bài tạp chí Q1).</li> </ul>

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		xác cao, có khả năng áp dụng vào thực tế.	<b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> - Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01 - Thạc sĩ (được cấp bằng): 01
69.	Nghiên cứu phát triển hệ thống phát hiện đối tượng theo thời gian thực trên thiết bị biên	Nghiên cứu các phương pháp phát hiện đối tượng có thể áp dụng trong các thiết bị biên. Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống thử nghiệm phát hiện đối tượng trên thiết bị biên theo thời gian thực, phục vụ giám sát một khu vực trong ĐHQGHN.	<b>1. Kết quả khoa học:</b> - Phần mềm thử nghiệm phát hiện đối tượng theo thời gian thực trên thiết bị biên. - 01 báo cáo thử nghiệm giám sát một khu vực trong ĐHQGHN. <b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 01 - Bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia/báo cáo khoa học toàn văn đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện): 01 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01
70.	Ước lượng khoảng cách biến phân toàn phần trong một số định lý giới hạn thông qua tính toán Malliavin	- Ước lượng được khoảng cách biến phân toàn phần trong một vài định lý giới hạn cho hàm của các biến ngẫu nhiên độc lập. - Ước lượng được khoảng cách biến phân toàn phần trong một vài định lý giới hạn cho các phiếm hàm ngẫu nhiên được định nghĩa thông qua nghiệm của một phương trình ngẫu	<b>1. Kết quả khoa học:</b> - Ước lượng cận dưới cho khoảng cách biến phân toàn phần và đánh giá điều kiện cận chính xác. - Ước lượng khoảng cách biến phân toàn phần trong một vài định lý giới hạn cho hàm của các biến ngẫu nhiên độc lập. <b>2. Sản phẩm công bố:</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCIE) và xếp hạng Q1 hoặc Q2 trong danh mục Scimago: 01 - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài
		nhiên. – Chỉ ra được được cận dưới cho khoảng cách biến phân toàn phần và dáng điệu tiệm cận chính xác.	<b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Thạc sĩ (được cấp bằng): 01

*Danh sách gồm 70 đề tài./.*